



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 21 tháng 11 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 00CE958958E7A94413B0B194AF2E68930A

Ký hiệu: 1C23TMD

Số: 49

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thắng

Tên đơn vị: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY THAN MẠO KHÊ - TKV

Địa chỉ: Khu Dân Chủ, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

Số tài khoản: 442 00000 29 Tại: Phòng giao dịch Đông Triều - CN Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Tây Nam Quảng Ninh.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 5700100256-030

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thực hiện gói cung cấp lập công trình Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vỉa thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê - TKV (giai đoạn 1 - Thiết kế bản vẽ chế tạo) theo hợp đồng số 1026/HĐ-TMK-KH, ngày 31/07/2023.				437.612.557
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					437.612.557
Thuế suất GTGT: 8%			Tiền thuế GTGT:		35.009.005
Tổng tiền thanh toán:					472.621.562

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 21/11/2023 11:16:36

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn/> Mã tra cứu: 0EAC50081DBCFE9F

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dự đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

V/v Thực hiện gói cung cấp lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo)

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-TKV ngày 27/5/2021 của Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam, V/v ban hành Quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5280/QĐ-TMK-KH ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Công ty than Mạo Khê –TKV V/v ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư của Công ty than Mạo Khê -TKV;

Căn cứ Quyết định số 3029/QĐ-TMK-KH ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Công ty than Mạo Khê –TKV V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo);

Căn cứ Công văn số 3372/TMK-KH ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Công ty than Mạo Khê-TKV V/v mời thực hiện gói cung cấp lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo);

Căn cứ Hồ sơ đề xuất của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;

Hôm nay, tại Công ty than Mạo Khê -TKV, phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên mời nhà cung cấp: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê-TKV (Bên A)

Đại diện là ông: **Nguyễn Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phường Mạo Khê – Thị xã Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh.

2. Nhà cung cấp: Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (Bên B)

Đại diện là ông: **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Hai bên thương thảo và thống nhất nội dung trong hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

✓

Công ty Than Mạo Khê - TKV (bên A) đồng ý thuê Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (bên B) thực hiện lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê - TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo); cụ thể các nội dung công việc chính như sau:

- Đánh giá các loại hình kết cấu chống đã và đang áp dụng tại Công ty Than Mạo Khê - TKV.

- Báo cáo tổng quan về loại hình vì thép ống bê tông chống giữ đường lò.

- Đánh giá phạm vi áp dụng vì thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê - TKV

+ Đánh giá điều kiện địa chất và áp lực mỏ - Công ty Than Mạo Khê - TKV.

+ Phân tích lựa chọn loại đường lò, diện tích tiết diện ngang áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông.

+ Phân tích lựa chọn loại khối than đá đường lò đào qua áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông.

- Lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê - TKV

+ Phân tích lựa chọn các loại cốt liệu bê tông

+ Tính toán thiết kế cấp phối bê tông dùng cho vì thép ống

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông chống giữ đường lò tiết diện chống 6,0m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 6,9m² vòm 1 tâm

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 9,1m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 10,4m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 11,5m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 11,8m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 13m²

Điều 2. Yêu cầu về chất lượng công việc và nghiệm thu sản phẩm

1. Yêu cầu về chất lượng:

Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật công việc bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A và các nội dung quy định trong hợp đồng.

2. Nghiệm thu sản phẩm:



- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do bên B cung cấp, bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn.

- Những sai sót trong sản phẩm tư vấn bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Sản phẩm của hợp đồng: Bản báo cáo đầy đủ các nội dung tại Điều 1 của Hợp đồng này.

- Số lượng sản phẩm hoàn thành Bên B bàn giao cho Bên A: 06 bộ + 01 đĩa CD ghi đầy đủ các nội dung.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (không kể thời gian thẩm định, phê duyệt của bên A).

Điều 4. Loại hợp đồng, giá trị, hình thức và đồng tiền thanh toán

1. Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Giá hợp đồng sau thuế GTGT 8%: **472.621.562** đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

3. Tạm ứng, thanh toán:

- Tạm ứng: Không.

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi Bên B giao đủ hồ sơ phương án cho Bên A, được người có thẩm quyền bên A phê duyệt thì hai bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

4. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản chậm nhất trong vòng 90 ngày sau khi có đủ chứng từ thanh toán theo quy định.

5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 5. Nhân lực của bên B

1. Nhân lực của bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của cán bộ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong dịch vụ tư vấn theo pháp luật.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B thì nhân sự đó coi như được bên A chấp thuận.

3. Bên A có quyền yêu cầu bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được bên A chấp thuận.

(Chữ ký)

Điều 6. Thương, phạt khi vi phạm hợp đồng

1. Thương hợp đồng: Không.
2. Phạt do chậm tiến độ:

Nếu Bên B chậm hoàn thành tiến độ hợp đồng được xác định tại Điều 3 mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp nhận thì bị phạt trừ 01% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT cho 01 ngày bị chậm nhưng tổng giá trị bị phạt không quá 08% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT. Nếu Bên B chậm tiến độ quá 08 ngày thì hai bên sẽ tiến hành cùng nhau bàn bạc rà soát nguyên nhân chậm tiến độ để làm cơ sở cho việc tiếp tục triển khai thực hiện hợp đồng hay hủy bỏ hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ bên A

1. Tiếp nhận sản phẩm hợp đồng do bên B giao và tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm của hợp đồng.

2. Cung cấp tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu cho mình cung cấp.

3. Tạo điều kiện về mặt bằng, cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để phối hợp làm việc với Bên B. Thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Hoàn thành công việc theo nội dung Điều 1, chất lượng công việc theo Điều 2 và thời hạn thực hiện ghi ở Điều 3 của hợp đồng này.

2. Bảo vệ và sửa đổi (nếu có) sản phẩm hợp đồng trước hội đồng thẩm tra các cấp cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bên B phải bàn giao đầy đủ cho Bên A bộ sản phẩm theo thời hạn tại Điều 3 của hợp đồng.

4. Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng và các hành vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Điều 9. Các điều khoản khác: Hai bên thống nhất cụ thể trong hợp đồng.

Biên bản thương thảo hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản làm cơ sở để triển khai ký kết hợp đồng. /.



Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuấn

58/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Số: 1026 /HD-TMK-KH

V/v Thực hiện gói cung cấp lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV
(Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo)

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ngày 19 / 7 /2023;

Căn cứ Quyết định số 3235 /QĐ-TMK-KH ngày 25 / 7 /2023 của Giám đốc công ty than Mạo Khê – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo);

Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của hai bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty than Mạo Khê -TKV, chúng tôi gồm:

I. CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY THAN MẠO KHÊ - TKV (Bên A)

Địa chỉ: Khu Dân chủ, Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3871240

Fax: 0203 3871375

Tài khoản: 4421000000029 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh – Phòng giao dịch Đông Triều.

Mã số thuế: 5700100256-030

Đại diện là Ông: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT (Bên B)

Địa chỉ: Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37550428

Tài khoản: 111000037499, Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long - Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Đại diện là Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

Công ty Than Mạo Khê - TKV (bên A) đồng ý thuê Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (bên B) thực hiện lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lò Công ty Than Mạo Khê – TKV (Giai đoạn 1- Thiết kế bản vẽ chế tạo); cụ thể các nội dung công việc chính như sau:

- Đánh giá các loại hình kết cấu chống dãn và đang áp dụng tại Công ty Than Mạo Khê – TKV.

- Báo cáo tổng quan về loại hình vì thép ống bê tông chống giữ đường lò.

- Đánh giá phạm vi áp dụng vì thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê - TKV

+ Đánh giá điều kiện địa chất và áp lực mỏ - Công ty Than Mạo Khê – TKV.

+ Phân tích lựa chọn loại đường lò, diện tích tiết diện ngang áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông.

+ Phân tích lựa chọn loại khối than đá đường lò đào qua áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông.

- Lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê – TKV

+ Phân tích lựa chọn các loại cốt liệu bê tông

+ Tính toán thiết kế cấp phối bê tông dùng cho vì thép ống

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông chống giữ đường lò tiết diện chống 6,0m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 6,9m² vòm 1 tâm

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 9,1m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 10,4m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 11,5m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 11,8m²

+ Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 13m²

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá của nhà cung cấp được lựa chọn;
5. Công văn mời thực hiện;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

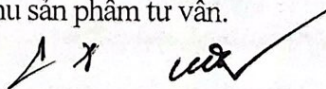
Điều 3. Yêu cầu về chất lượng công việc và nghiệm thu sản phẩm

1. Yêu cầu về chất lượng:

Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật công việc bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của bên A và các nội dung quy định trong hợp đồng.

2. Nghiệm thu sản phẩm:

- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do bên B cung cấp, bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn.



- Những sai sót trong sản phẩm tư vấn bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Sản phẩm của hợp đồng: Bản báo cáo đầy đủ các nội dung tại Điều 1 của Hợp đồng này.

- Số lượng sản phẩm hoàn thành Bên B bàn giao cho Bên A: 06 bộ + 01 đĩa CD ghi đầy đủ các nội dung.

Điều 4. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (không kể thời gian thẩm định, phê duyệt của bên A).

Điều 5. Loại hợp đồng, giá trị, tạm ứng, hình thức và đồng tiền thanh toán

1. Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Giá hợp đồng sau thuế GTGT 8%: **472.621.562** đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

3. Tạm ứng, thanh toán:

- Tạm ứng: Không.

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi Bên B giao đủ hồ sơ phương án cho Bên A, được người có thẩm quyền bên A phê duyệt thì hai bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

4. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản chậm nhất trong vòng 90 ngày sau khi có đủ chứng từ thanh toán theo quy định.

5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký, nếu không vượt giá hợp đồng đã ký thì bên A và bên B tính toán, thỏa thuận và ký phụ lục bổ sung hợp đồng. Trường hợp vượt giá hợp đồng đã ký thì phải được người có thẩm quyền của bên A xem xét, quyết định.

2. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng do một trong những lý do sau: Có sự thay đổi phạm vi công việc theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng; Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

Điều 7. Nhân lực của bên B

1. Nhân lực của bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của cán bộ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong dịch vụ tư vấn theo pháp luật.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B thì nhân sự đó coi như được bên A chấp thuận.

3. Bên A có quyền yêu cầu bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được bên A chấp thuận.

Điều 8. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép bên B.

2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do bên B thực hiện và cung cấp cho bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 9. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro và bất khả kháng

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng.

b) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

c) Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng của mình.

Điều 10. Tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:



Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng;
- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức độ thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

2. Hủy bỏ hợp đồng:

Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.

Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

3. Chấm dứt hợp đồng:

a) Điều kiện để Bên A chấm dứt hợp đồng:

Bên B bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bên B không có lý do chính đáng mà ngừng hoạt động 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Bên B bị phá sản, vỡ nợ, vi phạm pháp luật.

b) Điều kiện để bên B chấm dứt hợp đồng:

Bên A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 11 của hợp đồng này.

Bên A bị phá sản, vỡ nợ, vi phạm pháp luật.

Điều 11. Thuởng, phạt khi vi phạm hợp đồng

1. Thuởng hợp đồng: Không.

2. Phạt do chậm tiến độ:

Nếu Bên B chậm hoàn thành tiến độ hợp đồng được xác định tại Điều 3 mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp nhận thì bị phạt trừ 01% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT cho 01 ngày bị chậm nhưng tổng giá trị bị phạt không quá 08% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT. Nếu Bên B chậm tiến độ quá 08 ngày thì hai bên sẽ tiến hành cùng nhau bàn bạc rà soát nguyên nhân chậm tiến độ để làm cơ sở cho việc tiếp tục triển khai thực hiện hợp đồng hay hủy bỏ hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ bên A

1. Tiếp nhận sản phẩm hợp đồng do bên B giao và tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm của hợp đồng.

2. Cung cấp tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu cho mình cung cấp.

3. Tạo điều kiện về mặt bằng, cử những các nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để phối hợp làm việc với Bên B. Thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Hoàn thành công việc theo nội dung Điều 1, chất lượng công việc theo Điều 2 và thời hạn thực hiện ghi ở Điều 3 của hợp đồng này.

2. Bảo vệ và sửa đổi (nếu có) sản phẩm hợp đồng trước hội đồng thẩm tra các cấp cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bên B phải bàn giao đầy đủ cho Bên A bộ sản phẩm theo thời hạn tại Điều 3 của hợp đồng.

4. Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng và các hành vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

✓ ✗

Điều 14. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

1. Khiếu nại:

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 và 45 nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

2. Xử lý các tranh chấp:

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo luật định. Quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ninh là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên, mọi chi phí do bên có lỗi chịu. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 15. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn trở ngại hoặc có thay đổi hai bên cùng nhau tìm biện pháp thực hiện.

3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

[Handwritten signature]

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuấn

Phụ lục chi tiết gói cung cấp

Lập công trình nghiên cứu áp dụng thử nghiệm vì thép ống bê tông chống giữ đường lộ Công ty Than Mạo Khê - TKV (Giai đoạn 1 - Thiết kế bản vẽ chế tạo)
 Kèm theo HD số: 1026 /HD-TMK-KH ngày 07 / 7 / 2023

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Số công theo trình độ				Mức lương theo Công văn số 1948/TKV-TCNS ngày 24/4/2020 (Đồng)				Thành tiền (Đồng)				Tổng
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	
1	Khảo sát hiện trường, thu thập các tài liệu địa chất - kỹ thuật mỏ và các tài liệu cần thiết khác	Công	2,0	2,0			1.005.000	765.000	517.500		2.010.000	1.530.000			3.540.000
2	Đánh giá các loại hình kết cấu chống đá và đang áp dụng tại Công ty Than Mạo Khê - TKV														
2.1	Đánh giá kết cấu chống thép chống giữ các đường lộ tại Công ty Than Mạo Khê - TKV	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
2.2	Đánh giá kết cấu chống neo chống giữ các đường lộ tại Công ty Than Mạo Khê - TKV	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
2.3	Đánh giá các loại hình kết cấu chống khác chống giữ các đường lộ tại Công ty Than Mạo Khê - TKV	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
3	Tổng quan về loại hình vì thép ống bê tông chống giữ đường lộ														
3.1	Tổng quan về các loại thép ống, bê tông làm kết cấu chống đường lộ	Công	4,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		4.020.000	3.825.000			7.845.000
3.2	Tổng quan về các dạng kết cấu chống thép ống bê tông chống giữ đường lộ	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
3.3	Tổng quan về thí nghiệm khả năng chịu lực của vì thép ống bê tông	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
3.4	Tổng quan về áp dụng loại hình kết cấu chống vì thép bê tông trên thế giới	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
3.5	Ưu nhược điểm của kết cấu chống vì thép ống bê tông		3,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		3.015.000	3.825.000			6.840.000

Handwritten mark

Handwritten signature

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Số công theo trình độ				Mức lương theo Công văn số 1948/TKV-TCNS ngày 24/4/2020 (Đồng)				Thành tiền (Đồng)			
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
3,6	Điều kiện áp dụng của loại hình kết cấu chống vi thép ống bê tông	Công	3,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		3.015.000	3.825.000		6.840.000
3,7	Số sánh khả năng chịu lực của kết cấu chống vi thép ống bê tông với các loại vi chống khác	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000		8.850.000
4	Đánh giá phạm vi áp dụng vi thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê - TKV													
4.1	Đánh giá điều kiện địa chất và áp lực mỏ - Công ty Than Mạo Khê - TKV	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000		8.850.000
4.2	Phân tích lựa chọn loại đường lò, diện tích tiết diện ngang áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000		8.850.000
4.3	Phân tích lựa chọn loại khối than đá đường lò đào qua áp dụng kết cấu chống thép ống bê tông	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000		8.850.000
5	Lập bản vẽ chế tạo vi thép ống bê tông chống giữ đường lò - Công ty Than Mạo Khê - TKV													
5.1	Phân tích lựa chọn các loại cốt liệu bê tông	Công	2,0	2,0			1.005.000	765.000	517.500		2.010.000	1.530.000		3.540.000
5.2	Tính toán thiết kế cấp phối bê tông dùng cho vi thép ống	Công	10,0	10,0			1.005.000	765.000	517.500		10.050.000	7.650.000		17.700.000
5.3	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vi thép ống bê tông chống giữ đường lò tiết diện chống 6,0m2	Công	25,0	10,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	7.650.000		32.775.000
5.4	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vi thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 6,9m2 vòm 1 tâm	Công	25,0	10,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	7.650.000		32.775.000
5.5	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vi thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 9,1m2	Công	25,0	15,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	11.475.000		36.600.000
5.6	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vi thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chống 10,4m2	Công	25,0	15,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	11.475.000		36.600.000

OK

✓

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Số công theo trình độ				Mức lương theo Công văn số 1948/TKV-TCNS ngày 24/4/2020 (Đồng)				Thành tiền (Đồng)				
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
5.7	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chông 11,5m ²	Công	25,0	15,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	11.475.000			36.600.000
5.8	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chông 11,8m ²	Công	25,0	15,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	11.475.000			36.600.000
5.9	Tính toán và lập bản vẽ chế tạo vì thép ống bê tông cho đường lò tiết diện chông 13m ²	Công	25,0	15,0			1.005.000	765.000	517.500		25.125.000	11.475.000			36.600.000
6	Kết luận và kiến nghị	Công	4,0	3,0			1.005.000	765.000	517.500		4.020.000	2.295.000			6.315.000
7	Tổng hợp báo cáo	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
8	Viết đề cương, lập dự toán	Công	5,0	5,0			1.005.000	765.000	517.500		5.025.000	3.825.000			8.850.000
	Tổng số công lao động trực tiếp	Công	263,0	187,0			1.005.000	765.000	517.500		264.315.000	143.055.000			407.370.000
A	Tiết giảm 9% tổng số nhân công trực tiếp theo TKV (Ccg)	Công	239	170			1.005.000	765.000	517.500		240.526.650	130.180.050			370.706.700
B	Chi phí quản lý (theo CV số: 2045/Vinacomin-KH ngày 04/05/2011)														18.535.335
C	Chi phí khác (Ck)	Đơn vị	Số lượng				Đơn giá								23.600.000
	Chi phí đi công tác														12.600.000
	Công tác phí (2 ngày x 4 người x 3 đợt)	Người	24				150.000								3.600.000
	Thuê nhà nghỉ (2 ngày x 4 người x 3 đợt)	Đêm	12				250.000								3.000.000
	Thuê phương tiện đi lại	Chuyến	3				2.000.000								6.000.000
	In ấn tài liệu, xuất bản														6.000.000
	Bộ gốc (1 quyển thuyết minh 140 trang A4, đơn giá 500 đồng/trang và 10 bản vẽ đơn giá trung bình 15.000 đồng/bản. Dự kiến 03 lần xuất bản (trước và sau thẩm định, phê duyệt), mỗi lần xuất bản 01 bộ.	Lần	3				220.000								660.000

2-4

cut

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Số công theo trình độ				Mức lương theo Công văn số 1948/TKV-TCNS ngày 24/4/2020 (Đồng)				Thành tiền (Đồng)					
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng	
	Phổ tờ xuất bản sản phẩm (1 quyển thuyết minh 140 trang A4, đơn giá 300 đồng/trang và 10 bản vẽ, đơn giá 15.000 đồng/bản. Dự kiến 03 lần phổ tờ xuất bản (trước và sau thẩm định, phê duyệt), mỗi lần xuất bản 09 bộ.	Lần	3				1.728.000									5.184.000
	Đòng bìa	Cuốn	30				5.200									156.000
	Hội thảo	Lần	1,00				5.000.000									5.000.000
D	Thu nhập chịu thuế tính trước															24.770.522
	Cộng giá trị trước thuế															437.612.557
	Cộng giá trị gia tăng (VAT)															35.009.005
E	Thuế giá trị gia tăng (VAT)															472.621.562
	Tổng cộng giá trị sau thuế															472.621.562

2/4

100%